TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/KDTM-ST
Ngày: 30/01/2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ

2. Bà Vương Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vương Triều, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 108/2025/TLST-KDTM ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-KDTM ngày 30/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2026/QĐST-KDTM ngày 15/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ trụ sở: Thửa đất 936, tờ bản đồ số 12, Cụm C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty: Ông Phan Vĩnh N, sinh năm 1987; địa chỉ: C đường P, xã B, Thành phố H, sinh năm 1989; địa chỉ: Tầng C số H H, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền, theo Văn bản ủy quyền ngày 20/6/2025. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV C1; địa chỉ trụ sở: Số A, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty: Bà Nguyễn Thị Bích C – chức vụ: giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty S) là ông Phan Vĩnh N trình bày:

Công ty S và Công ty TNHH MTV C1 (sau đây gọi tắt là Công ty C1) có thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa thông qua đơn đặt hàng và giao hàng trực tiếp, không ký Hợp đồng mua bán hàng hóa. Quy trình giao dịch mua bán giữa Công ty S và Công ty C1 cụ thể như sau:

- Quy trình đặt hàng: Công ty C1 gửi các đơn đặt hàng nhân viên của Công ty S được giao phụ trách nhận đơn đặt hàng từ nhân viên của Công ty C1.

- Quy trình giao hàng: Căn cứ vào Đơn đặt hàng của Công ty C1 thì Công ty S sẽ tiến hành giao các đơn hàng tại địa chỉ Chi nhánh Công ty C1 tại địa chỉ: Số B, khu phố H, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình giao hàng hóa giữa hai bên có ký xác nhận của nhân viên Công ty C1 trong Đơn giao hàng khi bên mua tiến hành nhận hàng hóa.

- Quy trình thanh toán: Đến cuối mỗi tháng thì Công ty S sẽ tiến hành tổng hợp số lượng hàng hóa đã giao trong tháng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng gửi cho Công ty C1. Sau khi nhận được Hóa đơn giá trị gia tăng thì Công ty C1 sẽ tiến hành thanh toán cho Công ty S.

Trong đó, tổng số tiền hàng mà Công ty C1 quá hạn thanh toán là 330.115.653 đồng, cụ thể như sau:

- Tháng 11/2023, Công ty S đã giao hàng đầy đủ cho Công ty C1, và có chữ ký xác nhận của nhân viên vào biên bản giao hàng và Công ty S đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 2668 ngày 29/11/2023 cho Công ty C1 với số tiền 156.722.215 đồng. Ngày 05/4/2024, Công ty C1 đã thanh toán cho Công ty S số tiền 76.722.215 và ngày 25/9/2024 thanh toán số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 50.000.000 đồng.

- Tháng 12/2023, Công ty S đã giao hàng đầy đủ cho Công ty C1, và có chữ ký xác nhận của nhân viên vào biên bản giao hàng và Công ty S đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 2905 ngày 28/12/2023 cho Công ty C1 với số tiền 188.354.489 đồng. Hiện tại, Công ty C1 vẫn chưa thanh toán số tiền nợ trên cho Công ty S.

- Tháng 01/2024, Công ty S đã giao hàng đầy đủ cho Công ty C1, và có chữ ký xác nhận của nhân viên vào biên bản giao hàng và Công ty S đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 162 ngày 29/01/2024 cho Công ty C1 với số tiền 151.761.164 đồng. Ngày 03/6/2024, Công ty C1 đã thanh toán số tiền 50.000.000 đồng và ngày 09/8/2024 đã thanh toán số tiền 10.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 91.761.164 đồng.

Nhận thấy, việc Công ty C1 không thanh toán tiền mua hàng hoá, đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty S. Do đó, Công ty S làm đơn khởi kiện Công ty C1, yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc Công ty C1 thanh toán toàn bộ số tiền công nợ gốc và lãi chậm trả, với lãi suất 10%/năm tương đương 0.833%/tháng (tạm tính đến tháng 4 năm 2025) là 373.765.597 đồng, trong đó: Số tiền công nợ gốc là 330.115.653 đồng và tiền lãi chậm trả là 43.649.944 đồng.

Ngày 30/12/2025, ông Phan Vĩnh N có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu Công ty C1 thanh toán tiền lãi chậm trả với số tiền 43.649.944 đồng.

Đối với bị đơn Công ty TNHH MTV C1 (sau đây gọi tắt là Công ty C1): Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty C1 biết, để đến Toà án làm việc, hoà giải, xét xử về các vấn đề có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty C1 không đến Toà án và cũng không có ý kiến gửi Toà án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty C1 đã được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Quá trình trả tiền mua hành hoá, bị đơn Công ty C1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng hoá, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Công ty TNHH S khởi kiện bị đơn Công ty TNHH MTV C1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá. Theo kết quả xác minh của Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thì trước đây Công ty TNHH MTV C1 có hoạt động tại số B, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Người đại diện của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn Công ty TNHH MTV C1 đã được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử tất cả vắng mặt các đương sự trên.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để triệu tập bị đơn tham gia hoà giải, xét xử để giải quyết vụ án nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do; không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ; không cung cấp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn Công ty TNHH MTV C1 phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Công ty TNHH S (say đây gọi tắt là Công ty S) và Công ty TNHH MTV C1 (sau đây gọi tắt là Công ty C1) nhiều lần thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa thông qua đơn đặt hàng và giao hàng trực tiếp, không ký Hợp đồng mua bán hàng hóa từ năm 2018 đến tháng 01/2024. Quá trình mua hàng hoá thì Công ty C1 đều thanh toán tiền mua hàng hoá đầy đủ. Tuy nhiên, đến tháng 11, 12/2023 và tháng 01/2024 thì Công ty C1 không thanh toán đầy đủ tiền mua hàng hoá, cụ thể như sau:

- Đợt giao hàng vào tháng 11/2023 theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 2668 ngày 29/11/2023 với số tiền 156.722.215 đồng. Ngày 05/4/2024, Công ty C1 đã thanh toán số tiền 76.722.215 và ngày 25/9/2024 thanh toán số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 50.000.000 đồng.

- Đợt giao hàng vào tháng 12/2023 theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 2905 ngày 28/12/2023 với số tiền 188.354.489 đồng. Hoá đơn này đến nay Công ty C1 vẫn chưa thanh toán số tiền nợ trên.

- Đợt giao hàng vào tháng 01/2024 theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 162 ngày 29/01/2024 với số tiền 151.761.164 đồng. Ngày 03/6/2024, Công ty C1 thanh toán số tiền 50.000.000 đồng và ngày 09/8/2024 đã thanh toán số tiền 10.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 91.761.164 đồng.

Tổng số tiền hàng mà Công ty C1 còn nợ lại là 330.115.653 đồng. Đối chiếu quy định tại các Điều 50, 55 Luật Thương mại năm 2005 thì Công ty C1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng hoá, dẫn đến quyền lợi của Công ty S bị ảnh hưởng. Vì vậy, Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty C1 thanh toán tiền mua hàng hoá là có căn cứ.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Lệ phí đăng báo: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 91, 96, 147, 180, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều: 50, 55, 306 của Luật Thương mại;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S đối với Công ty TNHH MTV C1 Hạo về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

Buộc Công ty TNHH MTV C1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền mua hàng hoá còn nợ lại là 330.115.653 đồng (Ba trăm ba mươi triệu, một trăm mười lăm nghìn, sáu trăm năm mươi ba đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH S không yêu cầu Công ty TNHH MTV C1 trả lãi chậm trả.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH MTV C1 phải chịu số tiền 16.505.783 đồng (Mười sáu triệu, năm trăm lẻ năm nghìn, bảy trăm tám mươi ba đồng).

Công ty TNHH S không phải chịu án phí. Thi hành án dân sự Thành phố H hoàn trả lại cho Công ty TNHH S số tiền 9.570.684 đồng (Chín triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm tám mươi bốn đồng) đã nộp tạm ứng án phí Theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0031230 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Lệ phí đăng báo: Công ty TNHH S phải số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp, đã thực hiện xong.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bửu Huệ **Vương Thị Hồng T** **Đào Thị Thu V**

Nơi nhận:
- TAND KV16 - TP.HCM;
- VKSND KV16 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS KV 16 – TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân